

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Trị, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, huyện Thanh Trị
(Nguồn vốn ngân sách huyện quản lý)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025 cho huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về việc điều chỉnh, bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trị; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận và thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn huyện Thanh Trị, cụ thể như sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là 30.906,200 triệu đồng, xây dựng 11 công trình (trong đó: 04 công trình chuyển tiếp 07 công trình khởi công mới), được phân bổ như sau:

1. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất năm 2025 là 27.570 triệu đồng, xây dựng 05 công trình (trong đó: 03 công trình chuyển tiếp và 02 công trình khởi công mới) và đối ứng xây dựng trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

2. Nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025 là 3.336,200 triệu đồng.

Trong đó:

+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 240 triệu đồng.

+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 3.096,200 triệu đồng, xây dựng 06 công trình (trong đó: 01 công trình chuyên tiếp và 05 công trình khởi công mới).

(Chi tiết theo phụ lục 1, 2 đính kèm)

Điều 2.

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp khi được Trung ương, tỉnh giao vốn đầu tư năm 2025 có thay đổi so với Nghị quyết này hoặc đối với công trình cấp bách, bức xúc khác trên địa bàn, Ủy ban nhân dân huyện trao đổi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu và báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực HĐND huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì khóa XII, kỳ họp thứ 17 thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- TT.HĐND - UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT. Huyện ủy- TT.UBND huyện;
- Đ/b HĐND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- HĐND và UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, NC.

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trì)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định			Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú						
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó:	
																					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17						
	TỔNG SỐ					7.294	7.294	3.407	6.407	44.128	18.001	27.570	27.570									
	<i>Cân đối ngân sách địa phương</i>					7.294	7.294	3.407	3.407	12.601	12.601	25.170	25.170									
*	Dự án chuyển tiếp					7.294	7.294	3.407	3.407	8.667	8.667	5.260	5.260									
	NGÀNH/ LĨNH VỰC GIAO THÔNG					7.294	7.294	3.407	3.407	8.667	8.667	5.260	5.260									
1	Lộ kênh Xóm cá (bên sông)	ấp 21, xã Thanh Tân	2.000m x 3m	2024-2025				1.354	1.354	3.102	3.102	1.748	1.748									
2	Lộ đal Sakeo (cầu Thanh Niên - nhà Ông Lùng)	xã Lâm Tân	Lộ 1700m x 3m; 02 Cầu mỗi cầu 10m x 3m	2024-2025				2.053	2.053	3.337	3.337	1.284	1.284									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tổng số	Trong đó:	
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
3	Lộ Liên ấp Kiệt Bình-Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt		2024-2025	3374/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	7.294	7.294			2.228	2.228	2.228	2.228			02 nguồn vốn		
*	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2025					0	0	0	0	3.934	3.934	3.783	3.783					
	<i>Dự án nhóm C</i>					0	0	0	0	3.934	3.934	3.783	3.783					
	NGÀNH GIAO THÔNG					0	0	0	0	3.934	3.934	3.783	3.783					
4	Lộ Trung Thống - Tân Định (giai đoạn 2)	xã Tuân Tức	Phân đường chiều dài được 400m rộng 3,5m và 02 cầu trên tuyến rộng 4m	2025						2.624	2.624	2.473	2.473					
5	Cầu kênh ông Thái	xã Lâm Tân	24m x 4m	2025						1.310	1.310	1.310	1.310					
*	Đổi ứng kinh phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thạnh Trị									27.190	16.127	16.127	16.127			03 nguồn vốn		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2024		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch vốn năm 2025			Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									Tổng số	Trong đó:	
																	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
	Nguồn vốn Thu tiền sử dụng đất					0	0	0	3.000	31.527	5.400	2.400	2.400					
*	Dự án chuyển tiếp					0	0	0	3.000	4.337	4.337	1.337	1.337					
	NGÀNH/ LĨNH VỰC GIAO THÔNG					0	0	0	3.000	4.337	4.337	1.337	1.337					
	Lộ Liên ấp Kiết Bình-Kiết Thổng	xã Lâm Kiết	3.100m x 3m; 02 cầu trên tuyến	2024-2025	3374/QĐ-UBND ngày 11/12/2023				3.000	4.337	4.337	1.337	1.337		02 nguồn vốn			
*	Đổi ứng kinh phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng Trụ sở làm việc, nhà ở doanh trại của Công an xã, thị trấn trên địa bàn huyện Thanh Trì	huyện Thanh Trì			32/QĐ-UBND-m, ngày 15/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng					27.190	1.063	1.063	1.063		03 nguồn vốn			

Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Tri)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước		Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện				Ngân sách huyện	Ngân sách huyện	Thu hồi vốn đã ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng				55.143,718	50.117,934	5.025,784			13.980,200	3.336,200			
*	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			24.904,000	22.626,767	2.277,233	0,000	0,000	2.640,000	240,000			
I	Hỗ trợ đất ở			2.464,000	2.240,000	224,000	0,000		396,000	36,000			
II	Hỗ trợ nhà ở			22.440,000	20.386,767	2.053,233	0,000		2.244,000	204,000			
*	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			30.239,718	27.491,167	2.748,551			11.340,200	3.096,200			
-	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số			30.239,718	27.491,167	2.748,551			11.340,200	3.096,200			
√	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn			30.239,718	27.491,167	2.748,551			11.340,200	3.096,200			
-	Năm 2025			11.685,100	8.436,800	3.248,300	344,000	152,000	11.340,200	3.096,200			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước		Kế hoạch đầu tư công năm 2025				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách huyện				Ngân sách huyện	Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ động xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
*	Dự án khởi chuyển tiếp			1.673,100	1.521,000	152,100	344,000	152,000	1.329,000	0,000			
1	Lộ và cống thoát nước hẻm 12 nối tiếp	thị trấn Phú Lộc	2024-2025	1.673,100	1.521,000	152,100	344,000	152,000	1.329,000				
*	Dự án khởi công mới			10.012,000	6.915,800	3.096,200	0,000	0,000	10.011,200	3.096,200			
1	Cầu kênh nhà ông Út Em	xã Châu Hưng	2025	570,000	518,000	52,000			570,000	52,000			
2	Lộ ấp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	thị trấn Hưng Lợi	2025	247,000	224,000	23,000			247,000	23,000			
3	Lộ ấp Xóm Tro 1 (nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	thị trấn Hưng Lợi	2025	3.621,000	3.291,800	329,200			3.620,200	329,200			
4	Lộ ấp Kinh Ngay 1 (Từ nhà Bà Lệ - giáp ấp Kinh Ngay 2)	thị trấn Hưng Lợi	2025	1.890,000	1.718,000	172,000			1.890,000	172,000			
5	Lộ Bình Thới	xã Châu Hưng	2025	3.684,000	1.164,000	2.520,000			3.684,000	2.520,000			